

Số: **63** /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày **29** tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 8 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 709/TTr-BDT ngày 25/6/2023, thực hiện Thông báo số 83/TB-HĐND ngày 27/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung và công tác chuẩn bị Kỳ họp thứ mười ba, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026, Kết luận số 1201-KL/TU ngày 27/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Tại điểm a khoản 5 Điều 7 của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; quy định: “...UBND các tỉnh căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình HĐND cấp tỉnh quyết định...”.

- Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 có quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan công tác dân tộc tham mưu công tác quản lý về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình”.

- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt “Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025” có giao: “UBND tỉnh chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở ngành và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án/Dự án/Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện”.

- Văn bản số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có giao: “Liên minh hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên minh hợp tác xã Việt Nam triển khai thực hiện”.

2. Căn cứ thực tiễn

Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Căn cứ Nghị quyết

nêu trên, HĐND tỉnh đã thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Hiện nay, một số văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình của các bộ, ngành Trung ương được ban hành sau Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh, nên một số nội dung trong Nghị quyết cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, cụ thể như sau: Thời điểm ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 do chưa có đầy đủ hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc, các cơ quan chuyên môn đã đề xuất phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10. Trong quá trình thực hiện Ban Dân tộc tỉnh chủ động phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nội dung hỗ trợ xây dựng và duy trì sản phẩm chợ trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Đến thời điểm hiện nay, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc đã có các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10. Vì vậy, việc phân bổ 100% vốn cho các sở, ngành (chưa quy định chi tiết tỷ lệ % vốn cho từng sở, ngành, đơn vị) để tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 10 chưa phù hợp với các hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Mặt khác, trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đã phát sinh một số nội dung cần điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

Từ lý do trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 là phù hợp và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Nghị quyết được xây dựng nhằm đảm bảo cho việc triển khai đầy đủ các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thuận lợi, nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra tại địa phương; đồng thời công khai, minh bạch trong thực hiện Chương trình.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết: Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 09/6/2023, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2759/UBND-CNN&XD giao Ban Dân tộc tỉnh xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Ngày 09/6/2023, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 50/TTr-UBND trình Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Ngày 15/6/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 250/HĐND-VP về việc chấp thuận đề xuất xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

- Ngày 16/6/2023, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2875/UBND-CNN&XD về việc triển khai xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh và giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND ban hành văn bản quy pháp pháp luật theo đúng quy định.

- Ban Dân tộc tỉnh đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố theo quy định và tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia.

- Ban Dân tộc tỉnh đã trình Sở Tư pháp thẩm định về hồ sơ dự thảo Tờ trình và Nghị quyết theo quy định; tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết: gồm 2 Điều, cụ thể:

- **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

2. Nội dung

2.1. Bổ sung khoản 3 vào Điều 4 như sau:

“3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công nhưng không được vượt kế hoạch vốn trung hạn đã được giao.”

2.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư

a1) Phân bổ 25% vốn đầu tư cho các cơ quan cấp tỉnh; nguồn vốn này được phân bổ cụ thể như sau:

- Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh 10% để thực hiện nội dung Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a2) Phân bổ 75% vốn đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện nội dung “Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin” áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc đối tượng thụ hưởng	30	a	30 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho cho sở, ban, ngành của tỉnh, cụ thể như sau:

b1) Sở Thông tin và Truyền thông 63% để thực hiện nội dung “Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin”.

b2) Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

b3) Liên minh Hợp tác xã tỉnh 22% để thực hiện nội dung Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không

(Có dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan gửi kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và PTNT;
 - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - LĐVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CNN&XD, KT.
- Báchdtt, 26/6/2023, TTtr 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

Số: /2023/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO LẦN 3

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt "Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025";

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, cụ thể như sau:

1. Bổ sung khoản 3 vào Điều 4 như sau:

“3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công nhưng không được vượt kế hoạch vốn trung hạn đã được giao.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Phân bổ vốn đầu tư

a1) Phân bổ 25% vốn đầu tư cho các cơ quan cấp tỉnh; nguồn vốn này được phân bổ cụ thể như sau:

- Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh 10% để thực hiện nội dung Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a2) Phân bổ 75% vốn đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện nội dung “Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin” áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc đối tượng thụ hưởng	30	a	30 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho sở, ban, ngành của tỉnh, cụ thể như sau:

b1) Sở Thông tin và Truyền thông 63% để thực hiện nội dung Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

b2) Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.s

b3) Liên minh Hợp tác xã tỉnh 22% để thực hiện nội dung Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (Báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (Báo cáo);
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 709 /TTr - BDT

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt "Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025";

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Thực hiện Công văn số 250/HĐND-VP ngày 15/6/2023 của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 2875 /UBND-CNN&XD ngày 16 /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao, Ban Dân tộc đã họp, thống nhất với các sở, ngành liên quan và xây dựng dự thảo lần 1 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày 20/6/2023, Ban Dân đã ban hành Công văn số 673/BDT-VP về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị Quyết sửa đổi một số điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh gửi các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố. Sau khi tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị, địa phương (*Báo cáo số 691/BC-BDT ngày 23/6/2023*), Ban Dân tộc đã hoàn thiện dự thảo lần 2 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Ngày 23/6/2023, Ban Dân tộc nhận được Báo cáo số 291/BC-STP ngày 23/6/2023) của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc đã tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 706/BC-BDT ngày 23/6/2023 và dự thảo lần 3 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Có hồ sơ dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các tài liệu kèm theo)

Nội dung tham mưu đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đúng trình tự, thủ tục; đúng thẩm quyền và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc; Trưởng Ban Dân tộc chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Ban Dân tộc tỉnh kính trình UBND tỉnh xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Thanh Bình - PCT UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Ban (Đ/c Cường, Đ/c Phong);
- Lưu VT, VP Nghĩa.

cat

TRƯỞNG BAN



Phan Đức Cường

Số: /TTr-UBND
(DỰ THẢO)

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐCP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016;

UBND tỉnh báo cáo và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Tại điểm a khoản 5 Điều 7 của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; quy định: "...UBND các tỉnh căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình HĐND cấp tỉnh quyết định..."⁽¹⁾.

¹ Thuộc khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 22/6/2015: Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh ban hành để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 có quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan công tác dân tộc tham mưu công tác quản lý về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình*”.

- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt “*Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*” có giao: “*UBND tỉnh chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở ngành và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án/Dự án/Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện*”.

- Văn bản số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có giao: “*Liên minh hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên minh hợp tác xã Việt Nam triển khai thực hiện.*”

2. Căn cứ thực tiễn

Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Căn cứ Nghị quyết nêu trên, HĐND tỉnh đã thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Hiện nay, một số văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành, Trung ương được ban hành sau Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh, nên một số nội dung trong Nghị quyết cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, cụ thể như sau: Thời điểm ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 do chưa có đầy đủ Hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc, các cơ quan chuyên môn đã đề xuất phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10. Trong quá trình thực hiện Ban Dân tộc tỉnh chủ động phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nội dung hỗ trợ xây dựng và duy trì sản phẩm chợ trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào

dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Đến thời điểm hiện nay, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc đã có các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 10. Vì vậy, việc phân bổ 100% vốn cho các sở, ngành (chưa quy định chi tiết tỷ lệ % vốn cho từng sở, ngành, đơn vị) để tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 10 chưa phù hợp với các hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

Mặt khác, trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đã phát sinh một số nội dung cần điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

Từ lý do trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 là phù hợp và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Nghị quyết được xây dựng nhằm đảm bảo cho việc triển khai đầy đủ các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; đảm bảo thuận lợi, nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra tại địa phương; đồng thời công khai, minh bạch trong thực hiện Chương trình.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết: Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm

2025; Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Thời điểm ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022, Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 do chưa có đầy đủ Hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương, vì vậy một số nội dung trong Nghị quyết chưa quy định cụ thể tỷ lệ phân bổ vốn cho các sở, ngành, đơn vị là chưa phù hợp.

2. Điều chỉnh một số nội dung trong Nghị quyết để phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, giải quyết kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Công văn số 250/HĐND-VP ngày 15/6/2023 của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 2875/UBND-CNN&XD ngày 16 /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

5. Xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 – 2030 và lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố theo quy định và tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia.

6. Lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về hồ sơ dự thảo Tờ trình và Nghị quyết theo quy định; tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết: gồm 2 Điều.

- **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN. Không

Trên đây là nội dung Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
 - Ban Dân tộc tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, CNN&XD.
- Báchdtt, 26/6/2023, TTr 6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2023

DỰ THẢO LẦN 3

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt "Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025";

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, cụ thể như sau:

1. Bổ sung thêm khoản 3 vào Điều 4:

“3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công nhưng không được vượt kế hoạch vốn trung hạn đã được giao.”

“2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“a) Phân bổ vốn đầu tư

a1) Phân bổ 25% vốn đầu tư cho các cơ quan cấp tỉnh; nguồn vốn này được phân bổ cụ thể như sau:

- Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh 10% để thực hiện nội dung Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a2) Phân bổ 75% vốn đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện nội dung “Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin” áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc đối tượng thụ hưởng	30	a	30 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho cho sở, ban, ngành của tỉnh, cụ thể như sau:

b1) Sở Thông tin và Truyền thông 63% để thực hiện nội dung Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

b2) Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

b3) Liên minh Hợp tác xã tỉnh 22% để thực hiện nội dung Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (Báo cáo);
- Ủy ban Dân tộc (Báo cáo);
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:706 /BC - BDT

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu và giải trình ý kiến của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Báo cáo số 291/BC-STP ngày 23/6/2023 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Ban Dân tộc báo cáo việc Tiếp thu và giải trình ý kiến của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết) như sau:

STT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Ý kiến giải trình và tiếp thu
1	3. Căn cứ ban hành Đề nghị lược bỏ nội dung căn cứ thực hiện: Văn số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vì văn bản này không gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh cấp tỉnh và không có nội dung giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	Tiếp thu và chỉnh sửa như trong dự thảo Nghị quyết

2	4.2. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật	
-	- Đối với nội dung tại khoản 1 Điều 1: nội dung bổ sung phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, tuy nhiên đề nghị nghiên cứu hoàn thiện về trình bày như sau: <i>“1. Bổ sung khoản 3 vào Điều 4 như sau:</i> <i>“3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công nhưng không được vượt kế hoạch vốn trung hạn đã được giao.”</i>	Tiếp thu và chỉnh sửa như trong dự thảo Nghị quyết
-	- Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 1: việc phân bổ cụ thể tỷ lệ nguồn vốn cho các đơn vị, địa phương nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại Văn bản số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022, tuy nhiên phải trên cơ sở phù hợp với danh mục dự án, nhu cầu hỗ trợ của các đơn vị thụ hưởng, đảm bảo sử dụng đúng, đủ nguồn lực theo nội dung phân bổ tại Nghị quyết; đề nghị cơ quan soạn thảo có phân tích cụ thể về cơ sở, tính hợp lý của các tỷ lệ phân bổ vốn khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Mặt khác đối với nội dung <i>“Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin”</i>, được phân bổ từ 02 nguồn vốn cho cả cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện, trong quá trình thực hiện cần có sự hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành, đảm bảo sử dụng	- Đề nghị cơ quan soạn thảo có phân tích cụ thể về cơ sở, tính hợp lý của các tỷ lệ phân bổ vốn khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Nội dung này đã được liên ngành Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã tỉnh căn cứ các văn bản quy định của trung ương, tình hình thực tế của địa phương hợp thống nhất phân chia tỷ lệ cho các đơn vị hợp lý đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. - Đối với nội dung <i>“Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin”</i>, được phân bổ từ 02 nguồn vốn cho cả cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện, trong quá trình thực hiện cần có sự hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành, đảm bảo sử dụng nguồn vốn thống nhất, hiệu quả: Để triển khai thực hiện Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2700/UBND-KGVX ngày 7/6/2023 trong đó giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tham mưu thực hiện các công việc, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của UBND

	nguồn vốn thống nhất, hiệu quả.	tỉnh.
	Về cách thức trình bày khoản 2 Điều 1, đề nghị nghiên cứu hoàn thiện như sau: <i>“2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:</i> <i>“a) Phân bổ vốn đầu tư</i> <i>a1) Phân bổ 25% vốn đầu tư cho các cơ quan cấp tỉnh; nguồn vốn này được phân bổ cụ thể như sau:</i> <i>- Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i> <i>...</i>	Tiếp thu và chỉnh sửa như trong dự thảo Nghị quyết
3	5. Nơi nhận văn bản Đề nghị rà soát lại để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 67 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: <i>“1. Nơi nhận văn bản gồm: cơ quan giám sát, cơ quan kiểm tra, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan Công báo và các cơ quan, tổ chức khác, tùy theo nội dung của văn bản”.</i>	Tiếp thu, tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết
4	6. Về hiệu lực thi hành Đề nghị cơ quan soạn thảo dự kiến thời gian có hiệu lực của văn bản, đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 48 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung năm 2020): <i>“2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên cổng thông tin điện tử</i>	Tiếp thu và chỉnh sửa như trong dự thảo Nghị quyết

	<i>của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.</i>	
5	III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày dự thảo văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.	Tiếp thu và chỉnh sửa như trong dự thảo Nghị quyết

(Có dự thảo Nghị quyết lần 03 gửi kèm)

Trên đây là Báo cáo việc tiếp thu và giải trình ý kiến của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Lãnh đạo Ban (Đ/c Phong. Đ/c Cường);
- Thanh tra Ban;
- Lưu VT, VP Nghĩa.

TRƯỞNG BAN



Phan Đức Cường

Số: 291 /BC-STP

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chức năng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Tên dự thảo văn bản: **Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.**

- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Cơ quan trình văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo: Ban Dân tộc.
- Cơ quan phối hợp soạn thảo: Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh hợp tác xã tỉnh.
- Tiếp nhận hồ sơ thẩm định: ngày 23/6/2023 kèm theo Công văn số 692/BDT-CSDT ngày 23/6/2023 của Ban Dân tộc.
- Tình trạng hồ sơ đề nghị thẩm định: đảm bảo theo quy định.

Phần thứ nhất NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Đồng ý với dự thảo.

II. SỰ PHÙ HỢP VỚI ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thực hiện Quyết định số 39/2021/QĐ- TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương

và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, ngày 16/6/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Văn bản được ban hành là cơ sở pháp lý quan trọng để các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh chủ động thực hiện chương trình, triển khai các dự án đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nguồn vốn vào sử dụng và phát huy hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các bộ, ngành trung ương đã ban hành một số văn bản có liên quan đến nội dung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, cụ thể:

- Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 có nội dung giao: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan công tác dân tộc tham mưu công tác quản lý về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình*”.

- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt “*Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*” có nội dung giao: “*Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở ngành và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án/Dự án/Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện*”.

- Văn bản số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nội dung giao: “*Liên minh hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên minh hợp tác xã Việt Nam triển khai thực hiện*.”

Mặt khác, trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND cũng đã phát sinh nội dung cần điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

Từ lý do trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 là phù hợp và cần thiết.

2. Thẩm quyền ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020) quy định: “1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó.”.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết trên là đúng thẩm quyền.

3. Căn cứ ban hành

Đề nghị lược bỏ nội dung căn cứ thực hiện: Văn số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022 của Liên minh hợp tác xã Việt Nam về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vì văn bản này không gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh cấp tỉnh và không có nội dung giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

4. Nội dung cụ thể

4.1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đã được đánh giá trong trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung: mục đích nhằm tổ chức thực hiện các quy định, chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời đảm bảo phù hợp với thực tiễn quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, do đó cơ quan thẩm định đánh giá nội dung này phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

4.2. Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật

- Đối với nội dung tại khoản 1 Điều 1: nội dung bổ sung phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, tuy nhiên đề nghị nghiên cứu hoàn thiện về trình bày như sau:

“1. Bổ sung khoản 3 vào Điều 4 như sau:

“3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công nhưng không được vượt kế hoạch vốn trung hạn đã được giao.”.

- Đối với nội dung tại khoản 2: việc phân bổ cụ thể tỷ lệ nguồn vốn cho các đơn vị, địa phương nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban Dân tộc và hướng dẫn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại Văn bản số 523/LMHTXVN-KHHT ngày 27/7/2022, tuy nhiên phải trên cơ sở phù hợp với danh mục dự án, nhu cầu hỗ trợ của các đơn vị thụ hưởng, đảm bảo sử dụng đúng,

đủ nguồn lực theo nội dung phân bổ tại Nghị quyết; đề nghị cơ quan soạn thảo có phân tích cụ thể về cơ sở, tính hợp lý của các tỷ lệ phân bổ vốn khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Mặt khác đối với nội dung “*Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin*”, được phân bổ từ 02 nguồn vốn cho cả cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện, trong quá trình thực hiện cần có sự hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành, đảm bảo sử dụng nguồn vốn thống nhất, hiệu quả.

Về cách thức trình bày, đề nghị nghiên cứu hoàn thiện như sau:

“2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“a) Phân bổ vốn đầu tư

a1) Phân bổ 25% vốn đầu tư cho các cơ quan cấp tỉnh; nguồn vốn này được phân bổ cụ thể như sau:

- Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh 10% để thực hiện nội dung Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a2) Phân bổ 75% vốn đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện nội dung “*Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin*” áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc đối tượng thụ hưởng	30	<i>a</i>	$30 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho sở, ban, ngành của tỉnh, cụ thể như sau:

b1) Sở Thông tin và Truyền thông 63% để thực hiện nội dung Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

b2) Ban Dân tộc 15% để thực hiện nội dung Đề án/Dự án/Kế hoạch Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

b3) Liên minh Hợp tác xã tỉnh 22% để thực hiện nội dung hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”.

5. Nơi nhận văn bản

Đề nghị rà soát lại để đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 67 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “1. Nơi nhận văn bản gồm: cơ quan giám sát, cơ quan kiểm tra, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan Công báo và các cơ quan, tổ chức khác, tùy theo nội dung của văn bản”.

6. Về hiệu lực thi hành

Đề nghị cơ quan soạn thảo dự kiến thời gian có hiệu lực của văn bản, đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 48 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung năm 2020): “2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày dự thảo văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Phần thứ hai KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Về đề nghị xây dựng văn bản: chủ trương ban hành nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Công văn số 250/HĐND-VP ngày 15/6/2023; Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tại Văn bản số 2875/UBND-CNN&XD ngày 16/6/2023.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động: đã được thực hiện (Công văn số 691/BDT-CSDT ngày 23/6/2023 của Ban Dân tộc).

- Về đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh: Cơ quan soạn thảo không thực hiện nội dung này là phù hợp quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (được sửa

đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2020).

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi bởi khoản 36 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020).

- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp tham mưu, đối chiếu các nội dung trình dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Dân tộc (tham mưu);
- Giám đốc;
- Phó Giám đốc (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XD&KTrVB^{Huân}.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Sơn

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 691 /BC - BDT

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN

Tham gia dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 250/HĐND-VP ngày 15/6/2023 của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 2875 /UBND-CNN&XD ngày 16 /6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao, Ban Dân tộc đã họp, thống nhất với các sở, ngành liên quan và xây dựng dự thảo lần 1 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 20/6/2023, Ban Dân đã ban hành Công văn 673/BDT-VP về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị Quyết sửa đổi một số điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh gửi các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố:

Đến 10h ngày 23/6/2023, Ban Dân tộc đã nhận được ý kiến tham gia của 13/13 sở, ngành, đơn vị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết lần 1 cụ thể:

- Ý kiến hoàn toàn nhất trí với nội dung dự thảo: 10 ý kiến.
- Ý kiến nhất trí và có góp ý điều chỉnh, bổ sung: 03 ý kiến. Cụ thể:

TT	Ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị	Ý kiến giải trình và tiếp thu
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Về căn cứ ban hành Nghị quyết:	Tiếp thu và chỉnh sửa trong dự

	Theo quy định tại Điều 61, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “1. Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”. Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét không căn cứ vào văn bản cá biệt.	thảo
2	Sở Tài chính	
-	Đề nghị Ban dân tộc căn cứ các văn bản hướng dẫn của Trung ương về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, mục tiêu nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện chương trình trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu tỉ lệ phân bổ vốn đảm bảo theo quy định.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao, ngày 19/6/2023, Ban Dân tộc đã họp liên ngành căn cứ các văn bản hướng dẫn của trung ương, tình hình thực tế của địa phương thống nhất đề xuất nguyên tắc phân bổ, tỷ lệ phân bổ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương như trong dự thảo Nghị quyết.
3	UBND huyện Định Hoá	
-	Đề nghị điều chỉnh nội dung thực hiện đối với cấp huyện: Tại mục a,b khoản 2 Điều 10 của Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh quy	Đề nghị không bổ sung nội dung này vào nội dung sửa đổi Nghị quyết vì theo Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh thống nhất phân bổ và giao Sở Văn hoá, Thể thao

định: " 2. Phân bổ vốn sự nghiệp: a) Phân bổ vốn cho sở, ngành của tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu thực hiện các nội dung theo số thứ tự: 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12. b) Phân bổ vốn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện nội dung tiêu chí theo số thứ tự: 01." Nay đề nghị điều chỉnh mục b) Phân bổ vốn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện nội dung tiêu chí theo số thứ tự: 01,10,11. Lý do: Để nâng cao chất lượng tiêu chí số 06 về Cơ sở vật chất Văn hóa trong tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tiêu chí số 7.5 trong xây dựng thị trấn đạt chuẩn Đô thị văn minh giai đoạn 2021 - 2025 và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của đông đảo nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	và Du lịch căn cứ nguồn vốn được giao tham mưu triển khai thực hiện đảm bảo không trùng chéo, có sự ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn, các xã thuộc đối tượng đăng ký về đích nông thôn mới và đảm bảo các mục tiêu đề ra trên địa bàn tỉnh. Và qua rà soát, trao đổi với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch việc thực hiện các nội dung trên không gặp khó khăn, vướng mắc phải điều chỉnh nguyên tắc phân bổ vốn nội dung này.
--	---

(Có văn bản tham gia ý kiến vào dự thảo lần 1 Nghị quyết của các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện gửi kèm)

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia dự thảo lần 1 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc tổng hợp, giải trình các ý kiến theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban (Đ/c Phong, Đ/c Cường);
- Thanh tra Ban;
- Lưu VT, VP Nghĩa.

TRƯỞNG BAN



Phan Đức Cường

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2133 /SKHĐT-KTN
V/v tham gia ý kiến Dự thảo Nghị
quyết sửa đổi Nghị quyết số
03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022
của HĐND tỉnh

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ban Dân tộc.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc V/v tham gia ý kiến Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với các nội dung của dự thảo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Đề nghị Ban Dân tộc xem xét sửa lại nội dung sau:

Về căn cứ ban hành Nghị quyết: Theo quy định tại Điều 61, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: "1. Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.". Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét không căn cứ vào văn bản cá biệt.

Trên đây là ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị Ban Dân tộc tổng hợp./. *Như*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c GD; các PGD;
- Lưu VT, KTN. *Trungmm*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Việt

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2330 /STC-QLNS

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 6 năm 2023

V/v tham gia ý kiến Dự thảo Nghị Quyết
sửa đổi một số Điều của Quy định ban
hành kèm theo Nghị quyết số
03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của
HĐND tỉnh

Kính gửi: Ban dân tộc tỉnh Thái Nguyên

Sở Tài chính nhận được Công văn số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc về việc tham gia ý kiến Dự thảo Nghị Quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị Quyết. Đề nghị Ban dân tộc căn cứ các văn bản hướng dẫn của Trung ương về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, mục tiêu nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện chương trình trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu tỉ lệ phân bổ vốn đảm bảo theo quy định.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính về Dự thảo Nghị Quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh, đề nghị Ban dân tộc tổng hợp, báo cáo theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thị Ngọc

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 1631/STTTT-CNTT

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 06 năm 2023

V/v tham gia ý kiến Dự thảo Nghị quyết sửa đổi,
bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm
theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày
16/6/2022 của HĐND tỉnh (Dự thảo lần 1)

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên

Sở Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc tỉnh về việc tham gia ý kiến Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh, sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị quyết (Dự thảo lần 1), Sở Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

Đồng ý với Dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (Dự thảo lần 1).

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh (Dự thảo lần 1), Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, CNTT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đào Ngọc Tuất

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỔ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **361** /BC-UBND

Phổ Yên, ngày **21** tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc tham gia ý kiến Dự thảo nghị quyết sửa đổi một số điều của quy
định ban hành Nghị Quyết số 03/2022/NQ-HĐND
ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh

Thực hiện công văn số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban dân tộc tỉnh
Thái nguyên về việc tham gia ý kiến Dự thảo nghị quyết sửa đổi một số điều
của quy định ban hành Nghị Quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của
HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Nghị quyết sửa
đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo nghị quyết số
03/2022/NQ-HĐNS ngày 16/6/2022. UBND thành phố Phổ Yên hoàn toàn nhất
trí các nội dung trong Dự thảo nghị Quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày
16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Vậy UBND thành phố Phổ Yên báo cáo để Ban dân tộc tỉnh tổng hợp triển
khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- Chủ tịch – các PCT UBND thành phố;
- Phòng Dân tộc;
- Lưu: VT 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Ngọc Thiện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1092/UBND-DT

Phú Bình, ngày 21 tháng 6 năm 2023

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
quyết sửa đổi, bổ sung một số điều
của Quy định ban hành Nghị quyết số
03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022
của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Văn bản số 673/BDT-VP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình nhất trí với bố cục và nội dung của Nghị quyết dự thảo.

Trên đây là ý kiến tham gia của Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *123*/UBND-DT
V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị quyết
sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành
Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, ngày
16/6/2022 của HĐND tỉnh

Phú Lương, ngày *22* tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 673/BDT-VP, ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương nhất trí với Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên.

Trên đây là ý kiến của UBND huyện Phú Lương tham gia vào Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, DT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thúc Hằng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1610/UBND-VP

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị quyết sửa đổi một số Điều của
Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết
số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022
của HĐND tỉnh

Sông Công, ngày 21 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công nhận được Văn bản số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. UBND thành phố Sông Công nhất trí với thể thức và nội dung của dự thảo.

Trên đây là ý kiến góp ý của UBND thành phố Sông Công tham gia vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, đề nghị Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (BC);
 - Lãnh đạo UBND thành phố;
 - Lưu: VT. 2b.
- THVP.Luyenlt.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Minh Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2482 /UBND-VHTT

TP. Thái Nguyên, ngày 22 tháng 6 năm 2023

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị quyết sửa đổi một số Điều
của Quy định ban hành Nghị quyết
số 03/2022/NQ-HĐND ngày
16/6/2022 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 20/6/2023, UBND thành phố Thái Nguyên nhận được văn bản số 673/BDT-VP của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu nội dung, UBND thành phố nhất trí dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

UBND thành phố gửi Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên để tổng hợp theo quy định. / *Uuu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VHTT.

Thư

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Tuyết
Nguyễn Thị Tuyết

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VÕ NHAİ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1608 /UBND-DT
V/v tham gia ý kiến Dự thảo
Nghị quyết sửa đổi một số
Điều của quy định ban hành
Nghị quyết số 03/2022/NQ-
HĐND ngày 16/6/2022 của
HĐND tỉnh.

Võ Nhai, ngày 22 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số Điều của quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh, UBND huyện Võ Nhai nhất trí không có ý kiến gì thêm.

Với nội dung trên, UBND huyện Võ Nhai đề nghị Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên tổng hợp, hoàn thiện trình UBND tỉnh ban hành theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Võ Nhai;
- Lưu: VT, LĐVP, TH.

Thư

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Vũ Thị Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3133/UBND-DT

Định Hóa, ngày 22 tháng 06 năm 2023

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo
Nghị Quyết sửa đổi một số điều
của Quy định ban hành Nghị quyết
số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022
của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Công văn 673/BDT-VP ngày 20/06/2023 của Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị Quyết sửa đổi một số điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, UBND huyện Định Hóa có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với nội dung, hình thức của Dự thảo Nghị Quyết sửa đổi một số điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh.

2. Đề nghị điều chỉnh nội dung thực hiện đối với cấp huyện:

Tại mục a,b khoản 2 Điều 10 của Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh quy định: " 2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành của tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu thực hiện các nội dung theo số thứ tự: 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12.

b) Phân bổ vốn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện nội dung tiêu chí theo số thứ tự: 01."

Nay đề nghị điều chỉnh mục b) Phân bổ vốn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện nội dung tiêu chí theo số thứ tự: 01,10,11.

Lý do: Để nâng cao chất lượng tiêu chí số 06 về Cơ sở vật chất Văn hóa trong tiêu chí xây dựng nông thôn mới; tiêu chí số 7.5 trong xây dựng thị trấn đạt chuẩn Đô thị văn minh giai đoạn 2021 - 2025 và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của đông đảo nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Trên đây là ý kiến đề nghị của UBND huyện Định Hóa về sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 16/06/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (báo cáo);
- Như trên (báo cáo);
- Lưu VT, DT

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Lý Văn Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1280/UBND-DT
V/v Tham gia ý kiến vào Dự thảo
Nghị quyết sửa đổi một số điều của
quy định ban hành Nghị quyết số
03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022
của HĐND tỉnh

Đại Từ, ngày 21 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Công văn số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo UBND huyện Đại Từ nhất trí với nội dung dự thảo.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND huyện Đại Từ vào nội dung dự thảo, thảo, *thảo*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện (Đ/c Minh);
- Lưu: VT UBND, DT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Đăng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG HỖ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1277/UBND-DT

Đồng Hỷ, ngày 23 tháng 6 năm 2023

V/v Tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị
quyết sửa đổi một số điều của quy định ban
hành kèm theo Nghị quyết 03/2022/NQ-
HĐND, ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

UBND huyện Đồng Hỷ nhận được văn bản số 673/BDT-VP, ngày 20/5/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND, ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

UBND huyện Đồng Hỷ sau khi nghiên cứu dự thảo, UBND huyện Đồng Hỷ nhất trí với dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND, ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh.

Vậy UBND huyện Đồng Hỷ báo cáo Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, DT.

ke thư

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Ngô Xuân Huy

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 253 /LMHTX - NV

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 06 năm 2023

V/v tham gia ý kiến Dự thảo Nghị quyết
sửa đổi một số điều của Quy định ban
hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND
ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên

Liên minh Hợp tác xã nhận được văn bản số 673/BDT-VP ngày 20/6/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị quyết sửa đổi một số điều của Quy định ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Sau khi nghiên cứu, Liên minh Hợp tác xã nhất trí với các nội dung trong Dự thảo. Đề nghị Ban Dân tộc tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Liên minh HTX ;
- Lưu: VT, NV.

[Chữ ký]

**TM. BCH LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ
CHỦ TỊCH**



[Chữ ký]
Nguyễn Văn Dũng

Ký bởi: Liên minh Hợp
tác xã
Cơ quan: Tỉnh Thái
Nguyên
Ngày: 23/06/2023
10.24.30 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2875/UBND-CNN&XD

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2023

V/v triển khai xây dựng Nghị quyết của
HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Tư pháp;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Thực hiện Công văn số 250/HĐND-VP ngày 15/6/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận đề xuất xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh (có Công văn số 250/HĐND-VP gửi kèm theo), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo đúng trình tự, thủ tục rút gọn của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật khác liên quan; báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định và quy chế làm việc.

Căn cứ chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 250/HĐND-VP
V/v chấp thuận đề xuất
xây dựng Nghị quyết sửa đổi,
bổ sung Nghị quyết số
03/2022/NQ-HĐND ngày
16/6/2022 của Hội đồng
nhân dân tỉnh

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhận được Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; khoản 2, Điều 18 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Sau khi nghiên cứu, xem xét và ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại Công văn số 240/HĐND-BDT ngày 13/6/2023, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề xuất xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục rút gọn của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV xem xét, quyết định.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu xây dựng dự thảo nghị quyết đảm bảo định mức phân bổ tỷ lệ phần trăm (%) đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu VT, CTHĐND. 

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đỗ Đức Công

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 250/HĐND-VP
V/v chấp thuận đề xuất
xây dựng Nghị quyết sửa đổi,
bổ sung Nghị quyết số
03/2022/NQ-HĐND ngày
16/6/2022 của Hội đồng
nhân dân tỉnh

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhận được Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; khoản 2, Điều 18 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

Sau khi nghiên cứu, xem xét và ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh tại Công văn số 240/HĐND-BDT ngày 13/6/2023, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề xuất xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục rút gọn của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV xem xét, quyết định.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu xây dựng dự thảo nghị quyết đảm bảo định mức phân bổ tỷ lệ phần trăm (%) đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu VT, CTHĐND.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đỗ Đức Công

ỦY BAN DÂN TỘC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **330** /QĐ-UBDT

Hà Nội, ngày **12** tháng **5** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025”

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 66/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về việc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình

mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của Ủy ban Dân tộc Ban hành kế hoạch, nhiệm vụ, nội dung thực hiện Tiểu dự án 4, Dự án 5 Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính; Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền; Chánh Văn phòng Ủy ban Dân tộc; Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;
- Tổ công tác về Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN gđ 2021-2025;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số UBND;
- UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc TƯ;
- Ban Dân tộc các tỉnh, Thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, VPĐPCTMTQG (10b).

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Hầu A Lênh

ỦY BAN DÂN TỘC



ĐỀ ÁN
CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC
TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG
ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025

Hà Nội – 2023

MỤC LỤC

I. QUAN ĐIỂM	4
II. MỤC TIÊU	4
1. Mục tiêu chung.....	4
2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025.....	5
III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG.....	5
1. Phạm vi và thời gian thực hiện	5
2. Đối tượng thực hiện	6
IV. NHIỆM VỤ	6
1. Nhiệm vụ 1: Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo	6
2. Nhiệm vụ 2: Xây dựng Cổng thông tin thành phần Chương trình	7
3. Nhiệm vụ 3: Xây dựng Hệ thống hợp trực tuyến	8
4. Nhiệm vụ 4: Xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu chuyên gia.....	8
5. Nhiệm vụ 5: Tổ chức các hoạt động Hội nghị, Hội thảo, Tập huấn.....	8
V. GIẢI PHÁP.....	8
1. Chuyển đổi nhận thức	8
2. Kiến tạo thể chế.....	9
a) Xây dựng Kiến trúc tổng thể hệ thống.....	9
b) Xác định chuẩn hoá quy trình quản lý	10
c) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách:	10
3. Phát triển nguồn nhân lực	10
4. Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số	10
5. Xây dựng các hạng mục hạ tầng CNTT và quản trị, vận hành.....	11
6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng.....	11
7. Huy động nguồn lực triển khai Đề án.....	11
VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....	11
VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	12
1. Ủy ban Dân tộc.....	12
2. Các Bộ, ngành có liên quan	12
3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.....	13
PHỤ LỤC.....	14

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	Chương trình	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030
2	Văn phòng điều phối CTMTQG	Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030
3	CĐS	Chuyển đổi số
4	CNTT	Công nghệ thông tin
5	HTTT	Hệ thống thông tin
6	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7	NDXP	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia
8	LGSP	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dùng chung cấp bộ/cấp tỉnh
9	UBDT	Ủy ban Dân tộc
10	UBND	Ủy ban nhân dân
11	Đề án	Đề án Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025
12	Quyết định 1719/QĐ-TTg	Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

ỦY BAN DÂN TỘC

ĐỀ ÁN

Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

I. QUAN ĐIỂM

1. Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số. Sự vào cuộc của cả hệ thống các cơ quan triển khai Chương trình, đặc biệt là người đứng đầu; hành động đồng bộ từ trung ương đến địa phương và sự tham gia của các tổ chức liên quan, người dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

2. Chuyển đổi số là động lực, công cụ để nâng cao hiệu quả của Chương trình trong toàn bộ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, tổng hợp, báo cáo, truyền thông và giám sát, đánh giá. Chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định.

3. Dữ liệu số của Chương trình là tài nguyên quan trọng, được chia sẻ một cách tối đa trong hệ thống các cơ quan quản lý, tổ chức triển khai Chương trình theo quy định của pháp luật.

4. Minh bạch hoá, tạo môi trường tiếp cận nhằm tăng cường sự tham gia, giám sát chủ động của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các tổ chức chính trị - xã hội trong suốt quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

5. Đẩy mạnh hợp tác, xã hội hoá nhằm huy động, tranh thủ nguồn lực hỗ trợ từ các tập đoàn, công ty trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ; các tổ chức Quốc tế, phi Chính phủ có kinh nghiệm, nguồn lực trong lĩnh vực chuyển đổi số để triển khai hiệu quả nhiệm vụ, hoàn thành mục tiêu của Đề án.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới.

- Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai Chương trình. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tổ chức quản lý, tổ chức Chương trình từ trung ương đến địa phương.

- Triển khai áp dụng công nghệ số, dữ liệu số nhằm đổi mới và tăng cường hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình.

- Đổi mới phương pháp, chuyển đổi số trong truyền thông, tuyên truyền cho Chương trình. Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình các cấp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- 100% các cơ quan quản lý, thực hiện Chương trình từ cấp trung ương đến cấp xã được triển khai hệ thống thông tin phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành, nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá;

- 100% việc báo cáo định kỳ, báo cáo giám sát, báo cáo tổng hợp, hệ thống chỉ tiêu Chương trình được thực hiện trên môi trường số đồng bộ từ trung ương tới địa phương, hướng tới thay thế các báo cáo truyền thống;

- 100% các cơ quan, tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình từ cấp trung ương đến cấp xã được thông tin tự động về các nội dung, nhiệm vụ và kết quả triển khai;

- Thiết lập và công bố các bộ dữ liệu mở về kết quả triển khai, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình để công khai cho các tổ chức, người dân;

- Phấn đấu 100% các dữ liệu được công bố có khả năng khai thác trên môi trường số (máy tính, điện thoại thông minh ...);

- 100% cán bộ quản lý các cấp quản lý, thực hiện Chương trình được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chia sẻ thông tin thường xuyên về kỹ năng số và ứng dụng CNTT trong xử lý tác nghiệp trên môi trường số;

- Phấn đấu các cơ quan công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình từ trung ương đến địa phương được đảm bảo hạ tầng, trang bị vận hành Phòng họp trực tuyến;

- Có ít nhất 30% các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tập huấn được triển khai trên môi trường số;

- 100% các hệ thống thông tin thuộc Đề án được triển khai đầy đủ quy định của pháp luật hiện hành về an toàn thông tin mạng;

- Phấn đấu 100% người có uy tín, đồng bào dân tộc thiểu số nắm được chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; được tiếp cận đầy đủ thông tin về y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, thị trường; thông tin an ninh, trật tự để chủ động đảm bảo giữ gìn ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế-xã hội vùng thông qua các nhiệm vụ, dự án trong phạm vi Đề án;

- Phấn đấu từng bước đưa các lễ hội, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số được bảo tồn dưới dạng cơ sở dữ liệu số hoá, đa phương tiện và được phổ biến, giới thiệu đến với cộng đồng trong và ngoài nước thông qua các nhiệm vụ, dự án trong phạm vi Đề án.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi và thời gian thực hiện

a) Phạm vi: Các tỉnh, huyện, xã triển khai thực hiện Chương trình; các Bộ ngành, cơ quan quản lý, thực hiện Chương trình ở Trung ương.

b) Thời gian thực hiện: từ năm 2021 đến năm 2025.



2. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thụ hưởng: Cơ quan quản lý, thực hiện Chương trình các cấp; người dân, cộng đồng dân cư trên địa bàn triển khai Chương trình; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Đối tượng thực hiện: Hệ thống các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý, chỉ đạo, thực hiện Chương trình từ trung ương đến cơ sở; các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện các nội dung, hoạt động của Chương trình.

IV. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ 1: Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

- Hệ thống hóa, thống nhất các số liệu, chỉ số thống kê, báo cáo theo từng hạng mục, nội dung cập nhật;

- Cung cấp đa dạng các loại bảng biểu, biểu đồ, phân tích,... giúp nhà quản lý dễ dàng lập các báo cáo để phân tích và thống kê dự án chi tiết;

- Báo cáo tiến độ dự án, báo cáo công việc trễ hạn, báo cáo công việc sắp phải hoàn thành, báo cáo điểm công việc (người dùng chỉ cần nhập dữ liệu vào hệ thống sẽ tự động xuất ra các văn bản, hợp đồng, hay biểu mẫu, Hệ thống cũng tích hợp khả năng xuất dữ liệu ra file word, excel...);

- Tích hợp công cụ phân tích, hiển thị dữ liệu đa chiều, hỗ trợ hiển thị nhiều lớp dữ liệu trên bản đồ số GIS;

MÔ HÌNH TÍCH HỢP CHIA SẺ DỮ LIỆU HTTT QUẢN LÝ KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH



- Các hệ thống có nhu cầu khai thác dữ liệu mà Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình sẽ thực hiện kết nối khai thác dữ liệu qua LGSP của đơn vị và nền tảng NDXP;

2. Nhiệm vụ 2: Xây dựng Cổng thông tin thành phần Chương trình

- Xây dựng và vận hành Kho học liệu điện tử, Hệ thống quản lý học tập điện tử để thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 52, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021 đến 2025.

[illegible]

Các Trang thông tin tuyên truyền Chương trình tại các tỉnh/ thành phố tích hợp với Cổng thông tin của Chương trình để khai thác, đồng bộ dữ liệu về các văn bản, chính sách, hoạt động, báo cáo kết quả... từ Cổng thông tin về các trang thông tin. Việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu sẽ được thực hiện qua LGSP của đơn vị và nền tảng NDXP. Khi LGSP của đơn vị sử dụng cặp khóa (consumer_key và secret_key) do NDXP cung cấp, gửi yêu cầu lấy token để truy cập các dịch vụ do NDXP cung cấp. NDXP trả lại dữ liệu đã tổng hợp dc từ HTTP trả về dữ liệu cho LGSP để lại dữ liệu cần khai thác cho Các Trang thông tin.

3. Nhiệm vụ 3: Xây dựng Hệ thống hợp trực tuyến

Đầu tư, nâng cấp hoặc thuê dịch vụ Hệ thống hợp trực tuyến toàn quốc phục vụ Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG; Đường truyền chuyên biệt phục vụ Hệ thống điều hành, hệ thống thông tin phục vụ Chương trình. Triển khai đầu tư thiết bị điều khiển đa điểm (MCU) và Phòng họp trung tâm tại cơ quan chủ Chương trình (Ủy ban Dân tộc); cơ quan thường trực Chương trình cấp tỉnh, cấp huyện có nhiệm vụ đầu tư/nâng cấp/tích hợp thiết bị đầu cuối và phòng họp tại địa phương đáp ứng chuẩn kết nối theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc.

4. Nhiệm vụ 4: Xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu chuyên gia

Xây dựng các bộ cơ sở dữ liệu chuyên gia phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ triển khai các Dự án, Tiểu dự án, nội dung, hoạt động của Chương trình; Giải pháp về triển khai đồng bộ số liệu với Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác tại một số Bộ, ngành như: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thống kê ... để tối ưu hiệu quả sử dụng cơ sở dữ liệu, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

5. Nhiệm vụ 5: Tổ chức các hoạt động Hội nghị, Hội thảo, Tập huấn

Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo, Hội nghị, Hội thảo về Chuyển đổi số và quản lý Hệ thống thông tin Chương trình MTQG DTTS&MN, nâng cao kỹ năng của cán bộ quản lý Chương trình các cấp trong ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số các hoạt động của Chương trình.

V. GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi nhận thức

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, năng lực về chuyển đổi số cho cán bộ triển khai Chương trình và người dân:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy về chuyển đổi số, gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong triển khai các hoạt động của Chương trình;

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên nền tảng công nghệ số: cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, video tuyên truyền, bản tin, chuyên đề, tài liệu;

- Tăng cường đào tạo tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đối tượng thụ hưởng và đối tượng thực hiện Đề án.

2. Kiến tạo thể chế

a) Xây dựng Kiến trúc tổng thể hệ thống

Thiết kế, xây dựng kiến trúc tổng thể hệ thống ứng dụng và CSDL số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình, làm nền tảng lõi cho việc tích hợp các hệ thống thông tin đã và đang triển khai:

- Phù hợp đặc điểm hệ thống tổ chức, quản lý và vận hành của Chương trình;
- Giải pháp CNTT cần phù hợp với Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam;
- Các giải pháp công nghệ thông tin này cần mang tính chất động bộ giữa các giải pháp phần mềm và hạ tầng phần cứng, trong đó bao gồm: Thu thập, phân tích, tổng hợp, cập nhật thông tin từ nhiều nguồn dữ liệu; Quản lý kho dữ liệu phục vụ truy xuất, theo dõi và báo cáo; Phân quyền trong truy cập, xử lý dữ liệu; Công cụ cảnh báo và nhắc việc (bao gồm và không giới hạn các nhắc việc về thời điểm cần thực hiện thu thập thông tin, báo cáo, cảnh báo về kết quả chỉ số định kỳ nếu thấp hơn mục tiêu đặt ra...); Đảm bảo tính an ninh bảo mật cao trong kết nối thông tin;
- Bảo đảm tính khả thi, tính thực tiễn, dễ sử dụng và thân thiện với người dùng;
- Kết nối và đồng bộ với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác;

KIẾN TRÚC CHIA SẺ DỮ LIỆU CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHO CÁC HỆ THỐNG KHÁC



- HTTT, CSDL của chương trình quản lý dữ liệu và chia sẻ dữ liệu của Chương trình thông qua các API được quản lý và kết nối với LGSP của UBND;
- LGSP của UBND sẽ kết nối với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia NDXP để cung cấp các dịch vụ dữ liệu mà HTTT, CSDL của Chương trình qua NDXP;

- Các hệ thống khác thực hiện kết nối, tích hợp các dịch vụ dữ liệu qua nền tảng LGSP của đơn vị, kết nối với NDXP để khai thác các dịch vụ mà HTTT, CSDL của Chương trình cung cấp, chia sẻ;

- Kiến trúc tổng quan về tích hợp và chia sẻ dữ liệu của các HTTT, CSDL của chương trình phù hợp và đáp ứng theo Kiến trúc chính phủ điện tử và Khung kiến trúc Chính quyền điện tử mà các đơn vị đã ban hành.

b) Xác định chuẩn hoá quy trình quản lý

- Xác định các nội dung cần quan tâm quản lý;

- Xác định và chuẩn hoá hệ thống chỉ tiêu đánh giá của từng nhiệm vụ trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp từ trung ương đến cơ sở;

- Phân tách vai trò tham gia và quyền hạn của từng tổ chức, cá nhân trong quy trình.

c) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách:

- Thể chế hoá các quy trình quản lý thành các văn bản hướng dẫn;

- Xây dựng và ban hành quy chế, quy trình vận hành hệ thống ứng dụng và cơ sở dữ liệu số.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Biên soạn chương trình, tài liệu tập huấn về chuyển đổi số, các tài liệu hướng dẫn áp dụng chuyển đổi số;

- Tăng cường đào tạo tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, khai thác dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho các cơ quan quản lý, thực hiện và cán bộ triển khai Chương trình các cấp thông qua các hội nghị, hội thảo; biên soạn và phổ biến tài liệu tập huấn ...;

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Toạ đàm trực tuyến và trực tiếp để xây dựng và hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia DTTS&MN;

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia DTTS&MN;

- Hỗ trợ từ xa trong triển khai sử dụng và xử lý những vấn đề phát sinh liên quan trong quá trình triển khai Hệ thống.

4. Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số

- Nghiên cứu triển khai thí điểm chuyển đổi số một số hoạt động của Chương trình có khả năng phát huy hiệu quả, tính lan toả cao được các tổ chức, cá nhân quan tâm;

- Thực hiện xây dựng thí điểm một số mô hình Chuyển đổi số trong quản lý, tổ chức, tổng hợp Chương trình MTQG DTTS&MN tại địa phương. Từ đó tạo cơ sở để nhân rộng mô hình và căn cứ triển khai cho giai đoạn tiếp theo.

5. Xây dựng các hạng mục hạ tầng CNTT và quản trị, vận hành, đào tạo, bảo trì

- Đầu tư nâng cấp hoặc thuê dịch vụ hạ tầng trang thiết bị CNTT tại cơ quan quản lý Chương trình ở trung ương và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số trong quản lý Chương trình;

- Đào tạo, vận hành, bảo trì, quản trị, hướng dẫn, xử lý khắc phục sự cố trực tiếp và trực tuyến các hệ thống thông tin đã triển khai¹.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng cơ chế, chính sách về bảo mật, an toàn an ninh mạng;

- Xây dựng và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt các hệ thống thông tin thuộc Đề án;

- Tổ chức triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, mô hình 04 lớp an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin thuộc dự án theo quy định;

- Thuê hoặc mua thiết bị, giải pháp, dịch vụ vận hành đảm bảo an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin; các trang thiết bị này được tích hợp vào các dự án thành phần theo yêu cầu thực tế.

7. Huy động nguồn lực triển khai Đề án

- Tạo điều kiện, môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin đầu tư về cơ sở hạ tầng số và kết nối mạng internet đến cấp xã, các thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hạ tầng công nghệ gắn với phát triển dịch vụ trên các lĩnh vực: Nông nghiệp, giáo dục, y tế, văn hoá, du lịch và thương mại điện tử;

- Huy động các nguồn lực tham gia thực hiện Đề án, nhất là lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án phát triển kinh tế-xã hội, các nguồn huy động hợp pháp từ các thành phần kinh tế và người dân thực hiện chuyển đổi số;

- Đẩy mạnh kêu gọi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực của các đối tác quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ về lĩnh vực chuyển đổi số để thực hiện thành công mục tiêu của Đề án.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn vốn triển khai Đề án tại các cấp được bố trí, đảm bảo từ kinh phí triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025:

¹ Quản trị hệ thống phần mềm, trọng tâm là hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá và hệ thống quản trị đào tạo, nâng cao năng lực. Đào tạo trực tiếp, trực tuyến về sử dụng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá và hệ thống quản trị đào tạo, nâng cao năng lực đến các đối tượng tham gia Chương trình từ đơn vị thực hiện đến các cơ quan quản lý. Hỗ trợ trực tuyến, trực tiếp trong quá trình triển khai từ việc cập nhật số liệu đến tổng hợp, bổ sung các tiêu chí quản lý. Hỗ trợ cập nhật số liệu trong trường hợp các cơ quan thực hiện, triển khai Chương trình chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định.

- Nội dung số 1 và nội dung số 2 thuộc Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 3, Dự án 10: “Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình”.

- Tiểu dự án 4, Dự án 5: “Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025”.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện ở các cấp: Được trích từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình của các cấp được giao hằng năm.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Dân tộc

- Chủ trì hướng dẫn các Bộ ngành, địa phương triển khai Đề án, đảm bảo thống nhất, đồng bộ các hoạt động, kết nối trong một hệ thống dùng chung;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án cả giai đoạn 2021-2025 và hằng năm;

- Chủ trì xây dựng, tổ chức triển khai đối với các nội dung, nhiệm vụ tại *Phụ lục nhiệm vụ và tiến độ Đề án chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025* kèm theo Đề án này;

- Hằng năm, chủ trì xây dựng Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của Đề án bao gồm các hoạt động cụ thể và dự toán chi tiết;

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp và định kỳ báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo TƯ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 về tiến độ và kết quả việc triển khai thực hiện Đề án; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án nếu cần thiết; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án;

- Thực hiện các nội dung liên quan đến công tác tuyên truyền, lồng ghép nội dung để phù hợp, tránh chồng chéo với Đề án “Tiếp tục thực hiện việc chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức, cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025”;

2. Các Bộ, ngành có liên quan

- Ứng dụng chuyển đổi số đối với các Dự án, Tiểu dự án được phân công thuộc Chương trình;

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các Dự án, Tiểu dự án được phân công thuộc Chương trình;

- Báo cáo về kết quả triển khai hằng năm về Ủy ban Dân tộc;

- Phối hợp kết nối dữ liệu phục vụ chuyển đổi số về lĩnh vực được giao trong triển khai Phần mềm Hệ thống thông tin báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình thực hiện các Dự án, Tiểu dự án được phân công thuộc Chương trình.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Căn cứ nội dung Đề án, chỉ đạo Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở ngành và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án/Dự án/Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện; các dự án xây dựng/ thuê dịch vụ phần mềm, cơ sở dữ liệu do địa phương đề xuất không nằm trong Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trao đổi và thống nhất với Ủy ban Dân tộc trước khi phê duyệt nhằm đảm bảo các phần mềm, cơ sở dữ liệu này không trùng lặp, chồng chéo, manh mún giữa các địa phương, tránh lãng phí nguồn lực cho nhiệm vụ này;

- Cụ thể hoá các hướng dẫn, quy trình, quy phạm của Trung ương, gắn trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trong triển khai Đề án cũng như ứng dụng chuyển đổi số cho các hoạt động của Chương trình;

- Chủ động bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Đề án;

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan đầu tư/bố trí hệ thống máy tính phục vụ triển khai ứng dụng giám sát, đánh giá của Chương trình MTQG DTTS&MN, đáp ứng khả năng tích hợp với hệ thống của Ủy ban Dân tộc và chiết xuất báo cáo theo yêu cầu;

- Báo cáo về kết quả triển khai hằng năm về Ủy ban Dân tộc.



ỦY BAN DÂN TỘC

PHỤ LỤC

**NHIỆM VỤ VÀ TIẾN ĐỘ ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 330/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Nhiệm vụ	Phương án triển khai	Chủ trì	Phối hợp	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hệ thống thông tin)						
1.1	- Xây dựng phần mềm và CSDL hệ thống thông tin báo cáo - Đào tạo, vận hành, bảo trì, quản trị, hướng dẫn, xử lý khắc phục sự cố các HTTT đã triển khai	Thuê dịch vụ CNTT	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Địa phương có liên quan	X	X	X
1.2	- Nâng cấp hạ tầng trang thiết bị Hệ thống thông tin (đầu tư hạ tầng các năm đầu, các năm sau chỉ gia hạn bản quyền trang thiết bị và mua thiết bị thay thế bị hỏng và hết bảo hành) - Vận hành, bảo trì, quản trị, hướng dẫn, xử lý khắc phục sự cố các hệ thống thông tin đã triển khai	Đầu tư mua sắm & Thuê dịch vụ CNTT	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Địa phương có liên quan	X	X	X
2	Cổng thông tin thành phần Chương trình - Xây dựng Cổng thông tin thành phần Chương trình - Đào tạo, vận hành, bảo trì, quản trị, hướng dẫn, xử lý khắc phục sự cố các HTTT đã triển khai	Thuê dịch vụ CNTT	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Địa phương có liên quan	X	X	X

TT	Nhiệm vụ	Phương án triển khai	Chủ trì	Phối hợp	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	- Xây dựng và vận hành Kho học liệu điện tử, Hệ thống quản lý học tập điện tử để thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình.						
3	Hệ thống hợp trực tuyến						
3.1	Xây dựng Hệ thống hợp trực tuyến toàn quốc phục vụ Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG (đầu tư hạ tầng các năm đầu, các năm sau chỉ gia hạn bản quyền trang thiết bị và mua thiết bị thay thế bị hỏng và hết bảo hành)	Đầu tư mua sắm	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Địa phương có liên quan	X	X	X
3.2	Đường truyền chuyên biệt phục vụ Hệ thống điều hành, hệ thống thông tin phục vụ Chương trình	Thuê dịch vụ CNTT	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Địa phương có liên quan	X	X	X
4	Xây dựng các bộ cơ sở dữ liệu chuyên gia phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ triển khai các Dự án, Tiểu dự án, nội dung, hoạt động của Chương trình; Giải pháp về triển khai đồng bộ số liệu với Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác	Thuê dịch vụ CNTT	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Địa phương có liên quan		X	X
5	Tổ chức các hoạt động Hội nghị, Hội thảo, Tập huấn	Theo Kế hoạch được phê duyệt	Ủy ban Dân tộc	Các Bộ, ngành, Địa phương có liên quan	X	X	X

**LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ
VIỆT NAM**

Số: **523/LMHTXVN-KHHT**
V/v triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng
và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày **27** tháng **7** năm **2022**

Kính gửi: Liên minh Hợp tác xã các tỉnh, thành phố

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn I từ năm 2021-2025, Liên minh Hợp tác xã (HTX) Việt Nam được giao nhiệm vụ triển khai nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 về “ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN”.

Để phối hợp triển khai, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được Chính phủ giao; Liên minh HTX Việt Nam hướng dẫn triển khai, thực hiện nhiệm vụ “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” với một số nội dung cụ thể sau:

1. Mục tiêu

Nhằm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ; ứng dụng chuyển đổi số, thương mại điện tử để hợp tác liên kết sản xuất, xúc tiến thương mại, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm của các hợp tác xã, tổ hợp tác, dân cư vùng đồng bào DTTS&MN đối với thị trường trong nước và thế giới; thúc đẩy chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021- 2030.

2. Phạm vi thực hiện

- Phạm vi thực hiện: Khu vực vùng đồng bào DTTS&MN của cả nước.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn I từ năm 2021-2025.

3. Đối tượng thực hiện

- Đối tượng thụ hưởng: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS&MN
- Đối tượng thực hiện: Liên minh HTX Việt Nam, Liên minh HTX cấp tỉnh và các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, dân cư vùng đồng bào DTTS&MN.

4. Nội dung thực hiện

Xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại điện tử (TMĐT), chợ sản phẩm trực tuyến; tư vấn, đưa sản phẩm lên sàn TMĐT, chợ trực tuyến; tuyên truyền, đào tạo,

tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng TMĐT cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động TMĐT; kết nối, mở rộng thị trường cho các sản phẩm của vùng đồng bào DTTS&MN.

5. Phương thức triển khai và thực hiện

5.1. Thiết kế, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và trang giới thiệu sản phẩm “chợ sản phẩm trực tuyến”

- Liên minh HTX Việt Nam: Chủ trì nghiên cứu triển khai thực hiện xây dựng trang TMĐT “chợ sản phẩm trực tuyến” cho các đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và đồng bào vùng DTTS&MN. Hệ thống “chợ sản phẩm trực tuyến” được thiết kế đảm bảo tích hợp trên nền tảng LGSP của ngành công tác dân tộc và chia sẻ, kết nối, tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành công tác dân tộc và hệ thống Liên minh HTX Việt Nam theo hướng dẫn tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, đồng thời nội dung thông tin sản phẩm theo tiêu chuẩn GS1 về truy xuất nguồn gốc.

- Liên minh HTX cấp tỉnh: Trang bị các thiết bị vận hành và phục vụ hỗ trợ HTX với trang bị thiết bị tối thiểu gồm: Máy tính xách tay, máy chiếu phục vụ tập huấn, hướng dẫn (tối thiểu 02 bộ), máy tính hỗ trợ thiết kế nhãn mác, nhãn hiệu, thương hiệu, xử lý ảnh sản phẩm cho thành viên trên chợ sản phẩm trực tuyến và phục vụ tuyên truyền (tối thiểu 03 bộ có cấu hình tốt để xử lý đồ họa), hệ thống mạng internet tốc độ cao, ổn định.

5.2. Khảo sát tình hình hoạt động, nhu cầu và khả năng tiếp nhận ứng dụng thương mại điện tử, các sản phẩm và nhu cầu về giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm, vv.. của các HTX và thành viên vùng đồng bào DTTS & MN

- Liên minh HTX Việt Nam: Xây dựng tiêu chí đánh giá và thiết kế mẫu phiếu khảo sát; phương án; phối hợp Liên minh HTX cấp tỉnh tổ chức khảo sát; tổng hợp xử lý số liệu, báo cáo đánh giá.

- Liên minh HTX cấp tỉnh: Phối hợp với Ban dân tộc, các sở ngành, UBND huyện... Tổ chức khảo sát tình hình kinh tế - xã hội, tình hình phát triển kinh tế tập thể, HTX, thực trạng hoạt động SXKD, năng lực tài chính, sản phẩm; hạ tầng thiết bị, trình độ nhân sự chuyên trách XTTM, nhu cầu chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, TMĐT của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác là thành viên của Hệ thống Liên minh HTX Việt Nam và đồng bào vùng DTTS&MN; tổng hợp số liệu, báo cáo đánh giá gửi Liên minh HTX Việt Nam để cập nhật dữ liệu trên chợ sản phẩm trực tuyến.

5.3. Đào tạo, tập huấn

- Liên minh HTX Việt Nam: Chủ trì xây dựng phương án triển khai thực hiện và tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn vận hành và hỗ trợ về kỹ thuật,

hướng dẫn các kỹ năng TMĐT cho Liên minh HTX cấp tỉnh và thành viên.

- Liên minh HTX cấp tỉnh: Chủ trì, phối hợp Liên minh HTX Việt Nam tập huấn hướng dẫn quản lý, vận hành trang TMĐT tại “chợ sản phẩm trực tuyến” cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác là thành viên của Hệ thống Liên minh HTX Việt Nam và cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS&MN.

5.4. Tuyên truyền, truyền thông khuyến khích, thúc đẩy đồng bào DTTS&MN chuyển đổi số, sử dụng “chợ sản phẩm trực tuyến”

- Liên minh HTX Việt Nam: Thiết kế nội dung (nội dung cho video clip, pano, áp phích, truyền hình, truyền thanh...; tổ chức các hoạt động tuyên truyền phù hợp với trình độ dân trí và thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh vùng đồng bào DTTS&MN.

- Liên minh HTX cấp tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam và Ban Dân tộc, cơ quan làm công tác dân tộc của tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền phù hợp, hiệu quả.

5.5. Các hoạt động hỗ trợ, tư vấn

Liên minh HTX Việt Nam chủ trì, phối hợp Liên minh HTX cấp tỉnh hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, vận hành trang TMĐT “chợ sản phẩm trực tuyến”; tư vấn quảng bá, xúc tiến thương mại trực tuyến cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và dân cư vùng đồng bào DTTS&MN phù hợp với nhiệm vụ quy định.

6. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện

Thực hiện theo đúng các nội dung quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN; Nghị định số 53/2013/NĐ-CP của Chính phủ về thương mại điện tử; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các Thông tư hướng dẫn của các bộ ngành có liên quan.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn tại địa phương, đề nghị Liên minh HTX cấp tỉnh chủ động, phối hợp với Ban Dân tộc, cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, có vướng mắc, báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận: *l*

- Như trên;
- Ủy ban Dân tộc (để báo cáo);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để báo cáo);
- Thường trực LM HTX Việt Nam;
- Ủy ban Kiểm tra LM HTX Việt Nam;
- Văn phòng, các ban và đơn vị trực thuộc LMHTXVN;
- Lưu: VT, KHHT.

**TM. THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Bảo

Số: 1751 /TTr- SNN

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 8 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Nông nghiệp và PTNT lập hồ sơ đề nghị bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua với những nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Qua rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho thấy, căn cứ pháp lý là cơ sở xây dựng nội dung chính của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND đã được thay thế (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được thay thế bởi Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn). Do đó, tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND (bãi bỏ các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Mặt khác, cho đến nay thời gian thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND đã hết (giai đoạn 2017-2020).

Đồng thời theo quy định tại điểm g1 khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL), Nghị quyết do Hội đồng nhân dân ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật trong các trường hợp sau: “g1) *Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch*”.

Từ những lý do trên cho thấy Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 đã không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các quy định hiện hành của pháp luật. Việc rà soát, xử lý các văn bản không còn phù hợp là nhằm đảm bảo sự thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đảm bảo sự phù hợp về nội dung với các văn bản cơ quan Nhà nước cấp trên. Do đó, việc Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 không còn được áp dụng trên thực tế, đã hết giai đoạn áp dụng xác định tại Nghị quyết.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Công tác triển khai thực hiện

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6523/UBND-CNN&XD ngày 27/12/2022 về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Ngày 07/3/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT có Tờ trình số 615/TTr-SNN để báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020;

Ngày 17/4/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 130/HĐND-

VP về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh;

Ngày 20/4/2023, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1772/UBND-CNN&XD về việc triển khai xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh và giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản quy pháp pháp luật theo đúng quy định.

2. Lấy ý kiến xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và xin ý kiến Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tại Văn bản số 1297/SNN-KHTC ngày 24/4/2023. Đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh tại Văn bản số 1296/SNN-KHTC ngày 24/4/2023.

- Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết để gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 226/BC-STP ngày 25/5/2023 về thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã rà soát, chỉnh sửa bổ sung và hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Nghị quyết để báo cáo UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 điều, cụ thể là:

- Điều 1: Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 1; Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

- Điều 2: Điều khoản thi hành (Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành).

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

2. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết.

3. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

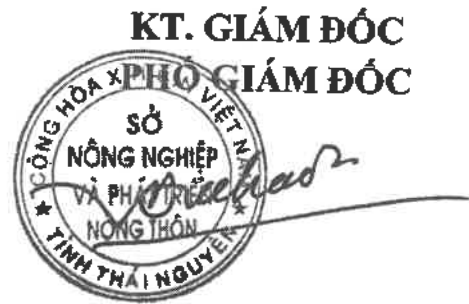
4. Dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nội dung tham mưu đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đủ điều kiện ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc; Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Đức Hào

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND
(Dự thảo 4)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 8 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình số..... ngày.../.../2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 với những nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Qua rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho thấy, căn cứ pháp lý là cơ sở xây dựng nội dung chính của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND đã được thay thế (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được thay thế bởi Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn). Do đó, tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND (bãi bỏ các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Mặt khác, cho đến nay thời gian thực hiện

Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND đã hết (giai đoạn 2017-2020).

Đồng thời theo quy định tại điểm g1 khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Nghị quyết do Hội đồng nhân dân ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật trong các trường hợp sau: “g1) *Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch*”.

Từ những lý do trên cho thấy Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 đã không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các quy định hiện hành của pháp luật. Việc rà soát, xử lý các văn bản không còn phù hợp là nhằm đảm bảo sự thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đảm bảo sự phù hợp về nội dung với các văn bản cơ quan Nhà nước cấp trên. Do đó, việc Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 không còn được áp dụng trên thực tế, đã hết giai đoạn áp dụng xác định tại Nghị quyết.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngày 27/12/2022, UBND tỉnh đã có Văn bản số 6523/UBND-CNN&XD giao Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh; Ngày 07/4/2023, UBND tỉnh đã có Tờ trình số 31/TTr-UBND trình Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

- Ngày 17/4/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 130/HĐND-VP về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh;

- Ngày 20/4/2023, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1772/UBND-CNN&XD về việc triển khai xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh và giao Sở Nông

ng nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND ban hành văn bản quy pháp pháp luật theo đúng quy định.

- Ngày 24/4/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 1297/SNN-KHTC gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đề xin ý kiến góp ý nội dung Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020; Văn bản số 1296/SNN-KHTC gửi Công thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên đề nghị đăng tải xin ý kiến đóng góp vào nội dung dự thảo. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết.

- Ngày 24/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 1680/SNN-KHTC gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020;

- Ngày 25/5/2023, Sở Tư pháp đã có báo cáo số 226/BC-STP về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung của dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 để báo cáo UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 điều, cụ thể là:

- Điều 1: Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 1; Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

- Điều 2: Điều khoản thi hành (Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành).

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 13 xem xét, quyết nghị./.

Hồ sơ xin gửi kèm theo:

1. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Orueha

2. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết.
3. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.
4. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số:/2023/NQ - HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 2023

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 8 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 1; Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Orachas

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày.... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Qua rà soát văn bản QPPL cho thấy, căn cứ pháp lý là cơ sở xây dựng nội dung chính của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND đã được thay thế (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được thay thế bởi Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông

thôn). Do đó, tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND (bãi bỏ các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Mặt khác, cho đến nay thời gian thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên quy định tại Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND đã hết (giai đoạn 2017-2020).

Đồng thời theo quy định tại điểm g1 khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL), Nghị quyết do Hội đồng nhân dân ban hành không phải là văn bản QPPL trong các trường hợp sau: “g1) *Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch*”.

Từ những lý do trên cho thấy Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 đã không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các quy định hiện hành của pháp luật. Việc rà soát, xử lý các văn bản không còn phù hợp là nhằm đảm bảo sự thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đảm bảo sự phù hợp về nội dung với các văn bản cơ quan Nhà nước cấp trên. Do đó, việc trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 là cần thiết.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

2.1. Thẩm quyền ban hành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản QPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Ban hành văn bản QPPL sửa đổi 2020) quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó*”.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết trên là đúng thẩm quyền theo quy định.

2.2. Căn cứ ban hành

Đề nghị bổ sung Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL vào phần căn cứ ban hành văn bản.

2.3. Nội dung cụ thể

Về phạm vi của nội dung trình bãi bỏ: cơ quan dự thảo xây dựng tại Điều 1 việc “bãi bỏ toàn bộ” Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Tuy nhiên, như phân tích ở trên, một phần của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND (khoản 2 Điều 1) đã được bãi bỏ tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (nội dung bãi bỏ này có hiệu lực từ ngày 15/8/2019). Do đó việc xác định bãi bỏ toàn bộ văn bản là chưa chính xác, ảnh hưởng tới kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Để đảm bảo về mặt kỹ thuật, cơ quan thẩm định đề nghị dự thảo xây dựng theo hướng bãi bỏ cụ thể các điều khoản còn lại của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

“Điều 1. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 1; Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.”.

2.4. Về hiệu lực thi hành

Dự thảo chưa dự kiến thời điểm có hiệu lực của văn bản.

Để đáp ứng được yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: *“Xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành: Ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 151 và Điều 152 của Luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo phải dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản”*, đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu trình dự kiến thời gian có hiệu lực phù hợp với quy định trên.

2.5. Về nơi nhận văn bản

Phù hợp.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL và Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP

quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL (Ví dụ: xuống dòng sau mỗi căn cứ ban hành văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định 34/2016/NĐ-CP; trình bày dự thảo nghị quyết theo mẫu số 42 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; trình bày “Nơi nhận” theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

Phần thứ hai **KẾT LUẬN THẨM ĐỊNH**

1. Về thực hiện các trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Đề nghị xây dựng văn bản: đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại văn bản số 130/HĐND-VP ngày 17/4/2023 và được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại văn bản số 1772/UBND-CNN&XD ngày 20/4/2023.

- Việc lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản: đã được thực hiện theo quy định (văn bản số 1297/SNN-KHTC ngày 24/4/2023). Ủy ban MTTQ tỉnh đã có ý kiến tham gia tại văn bản số 2663/MTTQ-BTT ngày 28/4/2023.

- Về đăng thông tin về nội dung dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh: đã được thực hiện theo quy định (từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/5/2023).

2. Về điều kiện trình dự thảo

- Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo:

+ Nghiên cứu, phân tích, tiếp thu ý kiến thẩm định để tham mưu cho phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương.

+ Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật Ban hành văn bản QPPL luật sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp tham mưu, đối chiếu các nội dung trình dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

- Dự thảo đã thực hiện đảm bảo các quy trình; các nội dung thẩm định phải được tiếp thu, giải trình theo quy định. Sau khi có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông

qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./*TH*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp & PTNT (tham mưu);
- Giám đốc Sở;
- Phó Giám đốc (đ/c Sơn);
- Lưu: VT, XD & KTrVB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Sơn

Số: 1750 /BC-SNN

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

**Giải trình, tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp
tại Văn bản số 226/BC-STP ngày 25/5/2023**

Thực hiện Báo cáo số 226/BC-STP ngày 25/5/2023 của Sở Tư pháp về việc Báo cáo thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu toàn bộ các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và báo cáo, giải trình nội dung tiếp thu, bổ sung với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020. Nội dung cụ thể như sau:

1. Về căn cứ ban hành

- **Ý kiến của Sở Tư pháp:** Đề nghị bổ sung Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL vào phần căn cứ ban hành văn bản.

- **Ý kiến tiếp thu:** Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết.

2. Về nội dung cụ thể

- **Ý kiến của Sở Tư pháp:** Về phạm vi của nội dung trình bãi bỏ: cơ quan dự thảo xây dựng tại Điều 1 việc “bãi bỏ toàn bộ” Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Tuy nhiên, như phân tích ở trên, một phần của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND (khoản 2 Điều 1) đã được bãi bỏ tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (nội dung bãi bỏ này có hiệu lực từ ngày 15/8/2019). Do đó việc xác định bãi bỏ toàn bộ văn bản là chưa chính xác, ảnh hưởng tới kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.

Để đảm bảo về mặt kỹ thuật, cơ quan thẩm định đề nghị dự thảo xây dựng theo hướng bãi bỏ cụ thể các điều khoản còn lại của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

“**Điều 1.** Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 1; Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.”.

- **Ý kiến tiếp thu:** Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết.

3. Về hiệu lực thi hành

- **Ý kiến của Sở Tư pháp:** Dự thảo chưa dự kiến thời điểm có hiệu lực của văn bản.

Để đáp ứng được yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*Xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành: Ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 151 và Điều 152 của Luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo phải dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản*”, đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu trình dự kiến thời gian có hiệu lực phù hợp với quy định trên.

- **Ý kiến tiếp thu:** Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa dự kiến thời điểm hiệu lực của Nghị quyết cụ thể như sau “Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày.... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023”.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

- **Ý kiến của Sở Tư pháp:** Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL và Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL (Ví dụ: xuống dòng sau mỗi căn cứ ban hành văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định 34/2016/NĐ-CP; trình bày dự thảo nghị quyết theo mẫu số 42 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; trình bày “Nơi nhận” theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- **Ý kiến tiếp thu:** Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết.

(có dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa kèm theo)

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC



Vũ Đức Hảo

Số: 1679 /BC-SNN

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1772/UBND-CNN&XD ngày 20/4/2023 về việc triển khai xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Ngày 24/4/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản số 1297/SNN-KHTC gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên, các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố để xin ý kiến góp ý nội dung Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020; Văn bản số 1296/SNN-KHTC gửi Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên đề nghị đăng tải xin ý kiến đóng góp vào nội dung dự thảo.

Kết quả lấy ý kiến và tiếp thu chỉnh sửa đến ngày 18/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được 16 bản góp ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên; các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố đóng góp ý kiến vào bản Dự thảo trên của Sở Nông nghiệp và PTNT. Các ý kiến tham gia góp ý đều hoàn toàn nhất trí với dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết do Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu xây dựng.

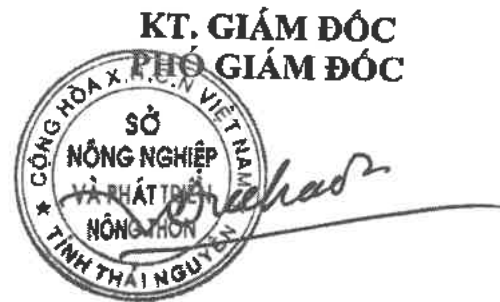
Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông

qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.//

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

Nguyễn Văn Tuấn



Vũ Đức Hào

Số: 379 /BC-SNN

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020

Thực hiện Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của hội đồng nhân dân tỉnh Thái nguyên về việc thông qua Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020;

Thực hiện Quyết định số 2223/QĐ-UBND, ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 như sau:

1. Mục tiêu của đề án

- Thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đến năm 2020 có 01 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đi vào hoạt động; xây dựng được các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với những cây trồng, vật nuôi chủ yếu là thế mạnh của tỉnh và trên địa bàn tỉnh có ít nhất 2 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Xây dựng được từ 02 “mô hình điểm” vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với cây chè và cây rau các loại (hỗ trợ đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, quản lý, từ khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm).

- Sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp hàng hoá lớn ứng dụng công nghệ cao có năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao: Chè, rau, quả, sản phẩm chăn nuôi... Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 20% trở lên so với tổng giá trị sản xuất toàn ngành.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thủy sản đối với các đối tượng cây trồng, vật nuôi ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện tỉnh Thái Nguyên.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 đến năm 2020

3. Kết quả thực hiện Đề án

3.1. Thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh lập xong Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên tại xã Tiên

Phong, thị xã Phổ Yên, với quy mô 154,36 ha và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 15/01/2021 về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên.

Đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 08/3/2021 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 15/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 về việc bổ sung nhiệm vụ quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên cho Ban quản lý dự án đầu tư các công trình Nông nghiệp và PTNT.

UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên (tại Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 18/11/2021). Hiện nay, Ban quản lý dự án đầu tư các công trình Nông nghiệp và PTNT đang thực hiện cắm mốc quy hoạch phân khu chức năng trên thực địa; hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên báo cáo UBND tỉnh trình các Bộ, ngành Trung ương thẩm định (tại Tờ trình số 169/TTr-UBND, ngày 13/10/2021 và Báo cáo số 212/BC-UBND, ngày 13/10/2021).

3.2. Xây dựng, công nhận các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có năng suất, chất lượng, giá trị tăng cao

Đến nay, tỉnh Thái Nguyên chưa công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng CNC và chưa công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC. Tuy nhiên đã bước đầu ứng dụng một số công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất an toàn áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,...góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Lĩnh vực trồng trọt: Tăng tỷ lệ sử dụng các loại giống mới, năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao; hình thành các vùng sản xuất tập trung ứng dụng một số công nghệ cao như: Sử dụng nhà màng, nhà lưới có hệ thống điều khiển bán tự động; công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển bán tự động; kỹ thuật canh tác thủy canh, giá thể; phương pháp thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM); công nghệ sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; sản xuất hữu cơ, cụ thể:

- + Tỷ lệ sử dụng giống xác nhận (và tương đương), giống tiến bộ kỹ thuật đối với cây trồng đạt trên 95%; diện tích gieo cấy các giống lúa năng suất, chất lượng, đặc sản, hữu cơ đạt 38.632 ha, chiếm 56,6% tổng diện tích gieo cấy lúa toàn tỉnh.

- + Hình thành các vùng sản xuất chè tập trung đạt 6.200 ha; diện tích được cấp chứng nhận VietGAP đạt 3.567 ha; diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ 127 ha; cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn tương ứng 4.092 ha. Tại các vùng

trồng chè tập trung đã ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất như: Trồng giống chè mới, sử dụng phân bón nano, hệ thống tưới tự động kết hợp bón phân, công nghệ tưới tiết kiệm bán tự động; ứng dụng nhà kính cho sản xuất chè vụ Đông.

+ Hình thành các vùng sản xuất rau tập trung với tổng diện tích 1.217 ha¹ (trong đó có trên 350 ha diện tích sản xuất rau chuyên canh). Tại các vùng trồng rau tập trung đã ứng dụng nhà lưới, nhà màng có công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt tự động, bán tự động trong sản xuất.

+ Tại các vùng trồng cây ăn quả đã ứng dụng chế phẩm sinh học trong phòng trừ sâu bệnh, bao quả, thụ phấn bổ sung, đồng thời ứng dụng công nghệ tưới phun mưa, tưới xoay đối với một số loại cây ăn quả (bưởi, nhãn, cam, na) nâng cao chất lượng, mẫu mã và giá trị sản phẩm quả, đem lại thu nhập cao cho người sản xuất.

+ Trên địa bàn tỉnh có khoảng gần 6.500 ha áp dụng phương pháp tưới tiết kiệm nước (chủ động và bán chủ động), trong đó: 5.612 ha chè; 300 ha cây ăn quả; 586 ha rau, hoa màu; sản xuất hoa ứng dụng công nghệ tưới nước phun sương, nhỏ giọt trong nhà lưới 03 ha.

+ Ứng dụng kỹ thuật canh tác giá thể, công nghệ cơ giới hóa đồng bộ từ sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản trong sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu: Trên địa bàn có Công ty TNHH Công nghệ sinh học Phú Gia ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và xây dựng được thương hiệu cho sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu, hàng năm sản xuất trên 400 tấn tươi và trên 100 tấn nấm khô phục vụ nội tiêu và chế biến xuất khẩu sang các thị trường Nhật, Đài Loan, Đức...; tại TP. Thái Nguyên, TP. Sông Công có một số cơ sở ứng dụng công nghệ thủy canh và chủ yếu sản xuất rau mầm với quy mô nhỏ 100 m²/cơ sở.

- Lĩnh vực chăn nuôi:

+ Tỷ lệ lợn giống ngoại, lai cao sản đạt 70% tổng đàn; bò lai giống cao sản đạt 70% tổng đàn; tỷ lệ các giống gà lông màu thả vườn, gà bản địa có năng suất, chất lượng cao đạt 80% tổng đàn; ứng dụng các tiến bộ di truyền về giống, kỹ thuật chăn nuôi (kỹ thuật thụ tinh nhân tạo đối với đàn lợn, trâu bò, gia cầm; quy trình chăn nuôi khép kín công nghiệp tự động, quy trình ATSH, thức ăn...).

+ Trên địa bàn tỉnh có 728 trang trại chăn nuôi (chủ yếu trang trại chăn nuôi lợn, gà), chiếm khoảng 40% tổng đàn, hầu hết các trang trại đã ứng dụng các tiến bộ KH-CN vào sản xuất như: Giống năng suất cao, chuồng lạnh, tự động hóa vận hành thức ăn, nước uống, sát trùng và xử lý môi trường.... Trong đó khoảng 225 trang trại ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất; 168 cơ sở sản xuất giống gia súc, gia cầm; 56 trang trại chăn nuôi an toàn dịch bệnh; 66 trang trại chăn nuôi được chứng nhận VietGAP; đã hình thành được một số mô hình sản xuất liên kết chuỗi trong chăn nuôi (Chăn nuôi- giết mổ - tiêu thụ) như: Công ty CP thực phẩm Cầu Mây liên kết với Công ty Dehues; Công ty

¹ Tại Linh Sơn, Hoàng Thượng, Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên; Nhã Lộng, Đào Xá, huyện Phú Bình; Hùng Sơn, huyện Đại Từ; Đông Đạt, huyện Phú Lương; Đông Cao, thị trấn Ba Hàng, thị xã Phổ Yên.

Vinatuco Việt Nam,... Phát triển sản xuất thủy sản theo hướng tăng tỷ lệ sử dụng giống năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Xây dựng thành công các mô hình trồng trọt, chăn nuôi dưới tán rừng mở ra hướng mới trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm lâm nghiệp, giúp người dân có thu nhập ngay đối với rừng có chu kỳ kinh doanh dài, góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững. Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống cây lâm nghiệp (*Keo tai tượng, Quế, Lim xanh, Lát hoa...*), đặc biệt là sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, giâm hom đã đáp ứng được nhu cầu về cả số lượng và chất lượng giống tốt phục vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh và cung cấp cho các tỉnh lân cận.

- Lĩnh vực thủy sản: Đã ứng dụng một số công nghệ cao trong nuôi thâm canh (Sử dụng chế phẩm sinh học, máy tự động cho cá ăn, sử dụng chế phẩm sinh học, máy tạo dòng chảy lưu thông nước, máy sục khí trong nuôi cá lồng,...) Tổng diện tích đưa vào nuôi thâm canh và bán thâm canh bằng giống có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao toàn tỉnh đạt 2.600 ha (*Thâm canh 600 ha, bán thâm canh 2.000 ha*); nuôi tập trung 250 ha; nuôi cá lồng trên các hồ chứa với tổng diện tích đạt 30.000m³ lồng. Tại 02 trại cá giống của tỉnh đang ứng dụng một số công nghệ sử dụng thuốc kích dục tố LRHa, sử dụng hormone sản xuất giống cá rô phi đơn tính, lai tạo giống cá chép bằng phương pháp cho đẻ, thụ tinh nhân tạo (*con giống chất lượng cao, tốc độ sinh trưởng nhanh đáp ứng được nhu cầu của thị trường*). Hình thành 02 vùng sản xuất cá nước lạnh với tổng sản lượng cá thương phẩm ước đạt trên 700 tấn/năm; 02 mô hình ứng dụng công nghệ Biofloc trong nuôi cá Rô phi và cá Diêu hồng; 01 mô hình ương nuôi cá Tầm và cá Hồi trong hệ thống lọc tuần hoàn, quy mô 1.000 m³.

3.3. Xây dựng mô hình điểm sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC: Đã xây dựng 01 mô hình sản xuất rau ứng dụng CNC tại xã Tân Phú, xã Đông Cao thị xã Phổ Yên, quy mô 5 ha, ứng dụng hệ thống nhà màng, nhà lưới trong sản xuất rau. Hiện nay mô hình vẫn đang duy trì sản xuất.

3.4. Một số nội dung của đề án chưa hoàn thành

- Mô hình sản xuất chè ứng dụng CNC tại xã Phúc Trìu thành phố Thái Nguyên, quy mô 5 ha.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thủy sản đối với các đối tượng cây trồng, vật nuôi ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện tỉnh Thái Nguyên.

4. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

- Sản xuất nông nghiệp chủ yếu quy mô nông hộ nhỏ lẻ, rất khó khăn cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; do vậy tỷ lệ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh còn ở mức thấp; liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế, nhất là chế biến tinh, chế biến sâu nông sản.

- Đã có chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC, tuy nhiên trong triển khai thực tế còn gặp nhiều khó khăn như:

+ Khó khăn trong việc đền bù giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất và thuê đất; việc tích tụ đất đai thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển ứng dụng nông nghiệp CNC.

+ Một số doanh nghiệp đầu tư ứng dụng nông nghiệp CNC địa điểm thực hiện dự án thuộc phường không được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

+ Trên địa bàn đã có một số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng CNC nhưng chưa có doanh nghiệp đầu tư mô hình ứng dụng CNC đồng bộ, quy mô, tiềm lực đầu tư thấp chưa đáp ứng tiêu chí quy định Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

- Việc sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC cần vốn đầu tư rất lớn, giá thành sản xuất cao khó khăn trong tiêu thụ.

5. Đề xuất, kiến nghị

- Để đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao trong nông nghiệp cần đầu tư nguồn lực lớn trong khi điều kiện, khả năng bố trí kinh phí của tỉnh còn hạn chế, đề nghị Chính phủ và các bộ ngành Trung ương hỗ trợ để tỉnh triển khai mở rộng quy mô phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt hiệu quả.

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên để triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Đức Hào

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: ~~130~~/UBND-CNN&XD

V/v triển khai xây dựng các Nghị quyết
của HĐND tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tư pháp.

Thực hiện các Công văn của Thường trực HĐND tỉnh: số 128/HĐND-VP ngày 17/4/2022 về việc chấp thuận đề xuất xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh; số 130/UBND-VP ngày 17/4/2023 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh (có các Công văn: số 128/HĐND-VP ngày 17/4/2022, số 130/UBND-VP ngày 17/4/2023 gửi kèm theo), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020 theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật khác liên quan; báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định và quy chế làm việc.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025 theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật khác liên quan; báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định và quy chế làm việc.

Căn cứ chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
Nguyễn Thanh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 137/HĐND-VP

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2023

V/v chấp thuận đề nghị xây dựng
Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ
Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND
ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhận được Tờ trình số 31/TTr - UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sau khi nghiên cứu, xem xét và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đỗ Đức Công